

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: **315**/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

V/v tiến độ thực hiện Tổng kiểm
kê thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026
tính đến 17h00 ngày 16/3/2026.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 12/3/2026, Bộ Tài chính có Công văn số 2961/BTC-QLCS về việc thực hiện công khai tiến độ thực hiện Tổng kiểm kê thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026. Qua theo dõi tiến độ thực hiện Tổng kiểm kê của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trên Phần mềm Tổng kiểm kê (Tính đến 17h00 ngày 16/3/2026) thì tiến độ thực hiện kiểm kê của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

1. Về tình hình đăng ký đối tượng kiểm kê:

a) Còn **02** tổ chức chưa có đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê (gồm: Hội Nhà Văn Việt Nam, Trung ương Hội người mù Việt Nam).

b) Có **01** cơ quan (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), **02** tổ chức (gồm: Liên hiệp các Tổ chức Hữu Nghị Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), **05** địa phương (gồm: Quảng Trị, Sơn La, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Khánh Hòa) chưa hoàn thành việc đăng ký đối tượng kiểm kê.

2. Về tình hình gửi báo cáo (đối với tài sản cố định):

a) Có **03** cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa có đơn vị gửi báo cáo (gồm: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam).

b) Có **14** cơ quan trung ương (gồm: Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại Giao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Xây dựng); **11** địa phương (gồm các tỉnh, thành phố: Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Tây Ninh, Đắk Lắk, Cần Thơ, Khánh Hòa, Huế, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Cà Mau) có tỷ lệ gửi báo cáo dưới mức bình quân của cả nước (dưới 80%).

3. Ngoài ra, có **10** tổ chức chưa truy cập chức năng báo cáo tiến độ kiểm kê trên Phần mềm gồm: Trung ương hội người mù Việt Nam, Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam, Hội người cao tuổi Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội nhạc sỹ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sỹ múa Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em Việt Nam. Đề nghị các tổ chức nêu trên khẩn trương truy cập chức năng báo cáo tiến độ kiểm kê trên Phần mềm để cập nhật thông tin.

Chi tiết tiến độ thực hiện tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 (đính kèm).

Bộ Tài chính xin thông báo để Quý cơ quan, đơn vị được biết./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Quốc Phương (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính;
- Văn phòng Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, QLCS. (50b). 

**TL.BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN**




Nguyễn Tân Thịnh

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG KIỂM KÊ

(Kèm theo Công văn số 3156/BTC-QLCS ngày 17/3/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị thuộc đối tượng kiểm kê	Số đơn vị chưa đăng ký đối tượng kiểm kê	Số đơn vị đã đăng ký đối tượng kiểm kê	Tỷ lệ hoàn thành đăng ký đối tượng kiểm kê
Khối trung ương					
1	Hội Nhà Văn Việt Nam	6	6	0	0%
2	Trung ương Hội người mù Việt Nam	2	2	0	0%
3	Liên hiệp các Tổ chức Hữu Nghị Việt Nam	2	1	1	50%
4	Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam	4	0	4	100%
5	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	182	34	148	81%
6	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	73	3	70	96%
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	414	1	413	100%
8	Văn phòng Chủ tịch nước	1	0	1	100%
9	Văn phòng Quốc hội	8	0	8	100%
10	Tòa án nhân dân tối cao	396	0	396	100%
11	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	400	0	400	100%
12	Văn phòng Chính phủ	9	0	9	100%
13	Bộ Ngoại Giao	109	0	109	100%
14	Bộ Tư pháp	58	0	58	100%
15	Bộ Công thương	163	0	163	100%
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	107	0	107	100%
17	Bộ Tài Chính	663	0	663	100%
18	Bộ Xây dựng	154	0	154	100%
19	Bộ Giáo dục và Đào tạo	141	0	141	100%
20	Bộ Y tế	131	0	131	100%
21	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	87	0	87	100%
22	Viện Hàn Lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam	22	0	22	100%
23	Bộ Nội vụ	42	0	42	100%
24	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam	25	0	25	100%
25	Thanh tra Chính phủ	3	0	3	100%
26	BHXXH Việt Nam	520	0	520	100%
27	Kiểm toán nhà nước	16	0	16	100%
28	Đài Tiếng nói Việt Nam	36	0	36	100%
29	Đài Truyền hình Việt Nam	21	0	21	100%
30	Thông tấn xã Việt Nam	14	0	14	100%
31	Đại học Quốc gia Hà Nội	55	0	55	100%
32	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	25	0	25	100%
33	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	8	0	8	100%
34	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	19	0	19	100%
35	Văn phòng Trung ương Đảng	26	0	26	100%
36	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	18	0	18	100%
37	Hội Người cao tuổi Việt Nam	1	0	1	100%
38	Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam	1	0	1	100%
39	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	2	0	2	100%
40	Hội Đông y Việt Nam	1	0	1	100%
41	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	1	0	1	100%
42	Hội Luật gia Việt Nam	1	0	1	100%
43	Hội Mỹ thuật Việt Nam	3	0	3	100%
44	Hội Nhạc sỹ Việt Nam	1	0	1	100%
45	Hội Nhà báo Việt Nam	1	0	1	100%
46	Hội Nghệ sỹ Nhiếp ảnh Việt Nam	2	0	2	100%
47	Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam	1	0	1	100%
48	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số	1	0	1	100%
49	Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	1	0	1	100%
50	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	6	0	6	100%
51	Tổng hội Y học Việt Nam	1	0	1	100%
52	Hội Điện ảnh Việt Nam	1	0	1	100%
53	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi Việt Nam	1	0	1	100%
54	Tổng hội Xây dựng Việt Nam	1	0	1	100%
Khối địa phương					
1	Tỉnh Quảng Trị	1729	33	1696	98,09%
2	Thành phố Hồ Chí Minh	3697	39	3658	98,95%

Phụ lục 1
TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG KIỂM KÊ
(Kèm theo Công văn số 3156/BTC-QLCS ngày 17/3/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị thuộc đối tượng kiểm kê	Số đơn vị chưa đăng ký đối tượng kiểm kê	Số đơn vị đã đăng ký đối tượng kiểm kê	Tỷ lệ hoàn thành đăng ký đối tượng kiểm kê
3	Tỉnh Sơn La	1350	11	1339	99,19%
4	Tỉnh Lâm Đồng	2738	11	2727	99,60%
5	Tỉnh Khánh Hòa	1559	6	1553	99,62%
6	Thành phố Huế	1039	0	1039	100,00%
7	Tỉnh Đồng Tháp	1962	0	1962	100,00%
8	Tỉnh Thanh Hóa	3174	0	3174	100,00%
9	Tỉnh Hưng Yên	1893	0	1893	100,00%
10	Thành phố Hà Nội	3604	0	3604	100,00%
11	Thành phố Hải Phòng	2430	0	2430	100,00%
12	Thành phố Đà Nẵng	1857	0	1857	100,00%
13	Thành phố Cần Thơ	2021	0	2021	100,00%
14	Tỉnh An Giang	2191	0	2191	100,00%
15	Tỉnh Bắc Ninh	2127	0	2127	100,00%
16	Tỉnh Cà Mau	1395	0	1395	100,00%
17	Tỉnh Cao Bằng	1088	0	1088	100,00%
18	Tỉnh Đắk Lắk	2222	0	2222	100,00%
19	Tỉnh Điện Biên	903	0	903	100,00%
20	Tỉnh Đồng Nai	1978	0	1978	100,00%
21	Tỉnh Gia Lai	2440	0	2440	100,00%
22	Tỉnh Hà Tĩnh	1273	0	1273	100,00%
23	Tỉnh Lai Châu	731	0	731	100,00%
24	Tỉnh Lạng Sơn	1255	0	1255	100,00%
25	Tỉnh Lào Cai	1835	0	1835	100,00%
26	Tỉnh Nghệ An	2434	0	2434	100,00%
27	Tỉnh Ninh Bình	2653	0	2653	100,00%
28	Tỉnh Phú Thọ	3279	0	3279	100,00%
29	Tỉnh Quảng Ngãi	1870	0	1870	100,00%
30	Tỉnh Quảng Ninh	872	0	872	100,00%
31	Tỉnh Tây Ninh	1950	0	1950	100,00%
32	Tỉnh Thái Nguyên	1850	0	1850	100,00%
33	Tỉnh Tuyên Quang	2066	0	2066	100,00%
34	Tỉnh Vĩnh Long	2144	0	2144	100,00%
Cả nước		71596	147	71449	99,79%

BỘ TÀI CHÍNH**Phụ lục 2****TÌNH HÌNH GỬI VÀ DUYỆT BÁO CÁO***(Kèm theo Công văn số 3456/BTC-QLCS ngày 17/3/2026 của Bộ Tài chính)***2.1. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản cố định**

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	2	0	0%	0	0%
Hội Nhà Văn Việt Nam	0	0	0%	0	0%
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	6	0	0%	0	0%
Văn phòng Chính phủ	9	1	11%	0	0%
Văn phòng Quốc hội	8	1	13%	0	0%
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86	12	14%	0	0%
Bộ Công thương	163	38	23%	12	7%
Đại học Quốc gia Hà Nội	55	13	24%	5	9%
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	70	17	24%	12	17%
Bộ Nội vụ	42	12	29%	4	10%
Thanh tra Chính phủ	3	3	100%	0	0%
Bộ Dân tộc và Tôn giáo	18	7	39%	7	39%
Bộ Giáo dục và Đào tạo	141	65	46%	46	33%
Bộ Ngoại Giao	109	51	47%	40	37%
Viện kiểm sát nhân dân tối cao	400	210	53%	135	34%
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	148	88	59%	51	34%
Đài Tiếng nói Việt Nam	36	22	61%	11	31%
Bộ Xây dựng	151	114	75%	84	56%
Văn phòng Trung ương Đảng	26	21	81%	13	50%
Tòa án nhân dân tối cao	396	325	82%	173	44%
Bộ Y tế	131	108	82%	93	71%
Bộ Khoa học và Công nghệ	107	90	84%	83	78%
Bộ Tư pháp	58	50	86%	50	86%
BHXXH Việt Nam	520	455	88%	285	55%
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	412	363	88%	326	79%
Viện Hàn Lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam	22	21	95%	19	86%
Văn phòng Chủ tịch nước	1	1	100%	0	0%
Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam	1	1	100%	0	0%
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	25	25	100%	2	8%
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	19	19	100%	0	0%
Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam	25	25	100%	0	0%
Kiểm toán nhà nước	16	16	100%	0	0%
Đài Truyền hình Việt Nam	21	21	100%	0	0%
Thông tấn xã Việt Nam	14	14	100%	0	0%
Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	8	8	100%	1	13%
Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam	4	4	100%	4	100%

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Hội Đông y Việt Nam	1	1	100%	1	100%
Hội Kiến trúc sư Việt Nam	1	1	100%	1	100%
Hội Mỹ thuật Việt Nam	3	3	100%	3	100%
Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số	1	1	100%	1	100%
Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	1	1	100%	1	100%
Tổng hội Y học Việt Nam	1	1	100%	1	100%
Tổng hội Xây dựng Việt Nam	1	1	100%	1	100%
Khối địa phương					
Tỉnh Hà Tĩnh	1195	547	46%	260	22%
Tỉnh Ninh Bình	2637	1444	55%	646	24%
Tỉnh Thanh Hóa	3029	1763	58%	867	29%
Tỉnh Tây Ninh	1950	1239	64%	584	30%
Tỉnh Đắk Lắk	2216	1510	68%	654	30%
Thành phố Cần Thơ	2017	1464	73%	951	47%
Tỉnh Khánh Hòa	1551	1126	73%	577	37%
Thành phố Huế	1038	764	74%	411	40%
Tỉnh Bắc Ninh	2119	1606	76%	949	45%
Thành phố Đà Nẵng	1854	1413	76%	855	46%
Tỉnh Cà Mau	1393	1079	77%	1060	76%
Tỉnh Sơn La	1336	1067	80%	650	49%
Thành phố Hồ Chí Minh	3643	2947	81%	1541	42%
Tỉnh Quảng Ngãi	1867	1512	81%	1219	65%
Tỉnh Thái Nguyên	1844	1510	82%	1180	64%
Tỉnh Gia Lai	2440	2009	82%	1376	56%
Tỉnh Lâm Đồng	2718	2281	84%	1645	61%
Tỉnh Hưng Yên	1822	1548	85%	1145	63%
Tỉnh Phú Thọ	3246	2911	90%	2154	66%
Thành phố Hà Nội	3592	3264	91%	2984	83%
Tỉnh Quảng Trị	1671	1521	91%	1178	70%
Tỉnh Lạng Sơn	1253	1144	91%	981	78%
Thành phố Hải Phòng	2393	2219	93%	2179	91%
Tỉnh Vĩnh Long	2068	1965	95%	1555	75%
Tỉnh Lào Cai	1835	1756	96%	956	52%
Tỉnh Cao Bằng	1085	1040	96%	924	85%
Tỉnh Tuyên Quang	2061	1994	97%	1979	96%
Tỉnh Đồng Tháp	1952	1902	97%	1868	96%
Tỉnh Nghệ An	2245	2189	98%	2086	93%
Tỉnh Đồng Nai	1978	1949	99%	1919	97%
Tỉnh Quảng Ninh	871	860	99%	858	99%
Tỉnh Điện Biên	903	892	99%	805	89%
Tỉnh An Giang	2190	2165	99%	2101	96%
Tỉnh Lai Châu	729	727	100%	723	99%

BỘ TÀI CHÍNH

2.2. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT đường bộ

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Đại học Quốc gia Hà Nội	1	0	0%	0	0%
Bộ Xây dựng	5	4	80%	0	0%
Khối địa phương					0%
Tỉnh Khánh Hòa	52	12	23%	11	21%
Tỉnh Hà Tĩnh	70	17	24%	10	14%
Tỉnh Thanh Hóa	150	45	30%	31	21%
Tỉnh Ninh Bình	104	32	31%	16	15%
Tỉnh Bắc Ninh	90	33	37%	19	21%
Tỉnh Tây Ninh	77	29	38%	22	29%
Tỉnh Đắk Lắk	98	38	39%	23	23%
Thành phố Đà Nẵng	83	39	47%	29	35%
Thành phố Cần Thơ	97	46	47%	37	38%
Thành phố Huế	44	23	52%	10	23%
Tỉnh Thái Nguyên	105	56	53%	44	42%
Thành phố Hồ Chí Minh	62	34	55%	29	47%
Tỉnh Lâm Đồng	121	67	55%	49	40%
Tỉnh Cà Mau	54	30	56%	29	54%
Tỉnh Hưng Yên	107	62	58%	50	47%
Tỉnh Gia Lai	103	61	59%	46	45%
Tỉnh Sơn La	60	39	65%	29	48%
Thành phố Hà Nội	84	60	71%	53	63%
Tỉnh Quảng Ngãi	98	73	74%	61	62%
Tỉnh Lào Cai	87	66	76%	42	48%
Tỉnh Phú Thọ	152	118	78%	89	59%
Tỉnh Lạng Sơn	68	57	84%	47	69%
Tỉnh Cao Bằng	61	54	89%	48	79%
Tỉnh Quảng Trị	54	48	89%	44	81%
Tỉnh An Giang	77	70	91%	69	90%
Tỉnh Đồng Tháp	90	83	92%	83	92%
Tỉnh Nghệ An	132	124	94%	118	89%
Tỉnh Vĩnh Long	116	109	94%	88	76%
Thành phố Hải Phòng	107	103	96%	102	95%
Tỉnh Đồng Nai	85	83	98%	81	95%
Tỉnh Điện Biên	43	42	98%	39	91%
Tỉnh Lai Châu	39	39	100%	39	100%
Tỉnh Quảng Ninh	56	56	100%	56	100%
Tỉnh Tuyên Quang	120	120	100%	120	100%

BỘ TÀI CHÍNH

2.3. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT đường sắt quốc gia

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Bộ Xây dựng	1	0	0%	0	0%

2.4. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT đường sắt đô thị

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Hà Nội	1	1	100%	0	0%
Thành phố Hồ Chí Minh	1	0	0%	0	0%

2.6. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT hàng không

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Bộ Xây dựng	1	0	0	0	0

BỘ TÀI CHÍNH

2.5. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT đường thủy nội địa

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Bộ Xây dựng	4	2	50%	1	25%
Khối địa phương					
Thành phố Hà Nội	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Hà Tĩnh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Tây Ninh	4	0	0%	0	0%
Thành phố Huế	4	1	25%	0	0%
Thành phố Cần Thơ	8	2	25%	2	25%
Tỉnh Cà Mau	8	3	38%	3	38%
Thành phố Đà Nẵng	4	2	50%	1	25%
Tỉnh Sơn La	4	2	50%	2	50%
Tỉnh Ninh Bình	2	1	50%	1	50%
Tỉnh Quảng Trị	3	2	67%	0	0%
Tỉnh Đồng Tháp	9	6	67%	6	67%
Tỉnh Nghệ An	3	2	67%	2	67%
Tỉnh Phú Thọ	4	3	75%	1	25%
Thành phố Hồ Chí Minh	5	4	80%	4	80%
Tỉnh Thái Nguyên	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Khánh Hòa	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Hưng Yên	2	2	100%	0	0%
Tỉnh Vĩnh Long	7	7	100%	6	86%
Tỉnh An Giang	18	18	100%	18	100%
Thành phố Hải Phòng	3	3	100%	3	100%
Tỉnh Đồng Nai	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lai Châu	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Ngãi	2	2	100%	1	50%
Tỉnh Quảng Ninh	8	8	100%	8	100%
Tỉnh Thanh Hóa	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Tuyên Quang	3	3	100%	3	100%
Tỉnh Gia Lai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đắk Lắk	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lâm Đồng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.7. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT hàng hải

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Bộ Xây dựng	2	2	100%	1	50%
Khối địa phương					
Thành phố Hồ Chí Minh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Lâm Đồng	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Quảng Ngãi	1	1	100%	1	100%
Thành phố Đà Nẵng	1	1	100%	1	100%
Tỉnh An Giang	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đồng Tháp	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Ninh	1	1	100%	1	100%
Thành phố Huế	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Trị	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Gia Lai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Khánh Hòa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hà Nội	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cà Mau	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đắk Lắk	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hà Tĩnh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hưng Yên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Nghệ An	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Ninh Bình	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thái Nguyên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thanh Hóa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Vĩnh Long	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.8. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT nước sạch

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Hà Tĩnh	22	7	32%	3	14%
Tỉnh Thanh Hóa	34	11	32%	4	12%
Tỉnh Khánh Hòa	17	5	29%	3	18%
Tỉnh Cà Mau	1	1	100%	1	100%
Thành phố Huế	4	1	25%	1	25%
Tỉnh Tây Ninh	31	12	39%	8	26%
Tỉnh Thái Nguyên	71	38	54%	31	44%
Tỉnh Ninh Bình	20	8	40%	6	30%
Tỉnh Lào Cai	61	48	79%	27	44%
Tỉnh Hưng Yên	11	5	45%	4	36%
Tỉnh Đắk Lắk	54	22	41%	15	28%
Tỉnh Bắc Ninh	22	12	55%	8	36%
Thành phố Đà Nẵng	43	25	58%	18	42%
Tỉnh Lâm Đồng	42	20	48%	14	33%
Tỉnh Sơn La	40	22	55%	17	43%
Tỉnh Vĩnh Long	3	3	100%	3	100%
Tỉnh Gia Lai	54	41	76%	29	54%
Tỉnh Phú Thọ	46	34	74%	28	61%
Thành phố Cần Thơ	9	5	56%	3	33%
Tỉnh An Giang	19	12	63%	12	63%
Tỉnh Đồng Tháp	16	12	75%	12	75%
Tỉnh Quảng Ngãi	76	58	76%	47	62%
Thành phố Hồ Chí Minh	4	3	75%	1	25%
Tỉnh Lạng Sơn	63	59	94%	49	78%
Tỉnh Cao Bằng	54	46	85%	41	76%
Thành phố Hà Nội	6	5	83%	3	50%
Tỉnh Quảng Trị	47	41	87%	36	77%
Tỉnh Lai Châu	27	27	100%	27	100%
Tỉnh Điện Biên	35	33	94%	30	86%
Tỉnh Nghệ An	66	64	97%	60	91%
Tỉnh Đồng Nai	25	25	100%	22	88%
Tỉnh Quảng Ninh	42	42	100%	42	100%
Thành phố Hải Phòng	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Tuyên Quang	67	67	100%	67	100%

BỘ TÀI CHÍNH

2.9. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT thủy lợi

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối trung ương					
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2	2	100%	1	50%
Khối địa phương					
Tỉnh Hà Tĩnh	48	6	13%	3	6%
Tỉnh Ninh Bình	42	9	21%	2	5%
Tỉnh Bắc Ninh	21	9	43%	8	38%
Tỉnh Lạng Sơn	15	6	40%	6	40%
Tỉnh Thái Nguyên	80	42	53%	33	41%
Tỉnh Lào Cai	40	33	83%	20	50%
Tỉnh Khánh Hòa	28	10	36%	7	25%
Tỉnh Đắk Lắk	47	18	38%	9	19%
Tỉnh Thanh Hóa	97	37	38%	26	27%
Tỉnh Gia Lai	48	24	50%	16	33%
Thành phố Đà Nẵng	45	18	40%	16	36%
Thành phố Hồ Chí Minh	16	6	38%	6	38%
Tỉnh Tây Ninh	26	12	46%	10	38%
Tỉnh Sơn La	19	8	42%	6	32%
Thành phố Huế	29	17	59%	7	24%
Tỉnh Lâm Đồng	35	16	46%	9	26%
Thành phố Cần Thơ	42	23	55%	17	40%
Tỉnh Phú Thọ	72	53	74%	39	54%
Tỉnh Cà Mau	11	9	82%	9	82%
Tỉnh Hưng Yên	30	21	70%	17	57%
Tỉnh Quảng Ngãi	87	65	75%	57	66%
Thành phố Hà Nội	27	20	74%	16	59%
Tỉnh Cao Bằng	41	30	73%	24	59%
Tỉnh Vĩnh Long	26	26	100%	22	85%
Tỉnh Đồng Tháp	48	42	88%	41	85%
Tỉnh Quảng Trị	32	28	88%	24	75%
Tỉnh An Giang	30	29	97%	29	97%
Tỉnh Lai Châu	31	31	100%	31	100%
Tỉnh Điện Biên	37	36	97%	33	89%
Tỉnh Đồng Nai	14	12	86%	12	86%
Tỉnh Nghệ An	96	92	96%	89	93%
Tỉnh Quảng Ninh	30	30	100%	30	100%
Thành phố Hải Phòng	31	30	97%	29	94%
Tỉnh Tuyên Quang	18	18	100%	18	100%

PK

BỘ TÀI CHÍNH

2.10. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT chợ

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Hà Tĩnh	48	10	21%	4	8%
Tỉnh Tây Ninh	53	13	25%	8	15%
Tỉnh Ninh Bình	97	25	26%	15	15%
Tỉnh Thanh Hóa	101	36	36%	24	24%
Tỉnh Khánh Hòa	45	17	38%	10	22%
Thành phố Huế	35	18	51%	8	23%
Tỉnh Đắk Lắk	73	33	45%	20	27%
Thành phố Cần Thơ	52	26	50%	20	38%
Tỉnh Bắc Ninh	33	14	42%	7	21%
Tỉnh Lào Cai	50	41	82%	27	54%
Tỉnh Thái Nguyên	79	53	67%	43	54%
Tỉnh Cà Mau	28	21	75%	20	71%
Tỉnh Hưng Yên	78	45	58%	37	47%
Thành phố Đà Nẵng	62	36	58%	27	44%
Tỉnh Gia Lai	80	57	71%	46	58%
Tỉnh Lâm Đồng	71	46	65%	37	52%
Tỉnh Phú Thọ	143	118	83%	94	66%
Tỉnh Sơn La	21	16	76%	12	57%
Thành phố Hồ Chí Minh	94	63	67%	42	45%
Thành phố Hà Nội	86	69	80%	63	73%
Tỉnh An Giang	62	53	85%	52	84%
Tỉnh Cao Bằng	46	40	87%	35	76%
Tỉnh Vĩnh Long	86	84	98%	65	76%
Tỉnh Lạng Sơn	35	32	91%	30	86%
Tỉnh Quảng Ngãi	68	57	84%	51	75%
Tỉnh Đồng Tháp	77	71	92%	70	91%
Tỉnh Lai Châu	19	19	100%	19	100%
Tỉnh Điện Biên	25	25	100%	23	92%
Tỉnh Quảng Trị	52	48	92%	45	87%
Tỉnh Đồng Nai	60	54	90%	53	88%
Thành phố Hải Phòng	77	73	95%	72	94%
Tỉnh Nghệ An	103	98	95%	96	93%
Tỉnh Quảng Ninh	48	48	100%	48	100%
Tỉnh Tuyên Quang	90	90	100%	90	100%

BỘ TÀI CHÍNH

2.11. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT cụm công nghiệp

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Ninh Bình	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Thanh Hóa	4	0	0%	0	0%
Tỉnh Đắk Lắk	7	2	29%	2	29%
Tỉnh Hưng Yên	6	2	33%	2	33%
Thành phố Cần Thơ	3	1	33%	1	33%
Tỉnh Bắc Ninh	6	2	33%	1	17%
Tỉnh Hà Tĩnh	6	2	33%	1	17%
Thành phố Huế	2	1	50%	1	50%
Tỉnh Gia Lai	15	8	53%	5	33%
Tỉnh Phú Thọ	5	3	60%	2	40%
Thành phố Đà Nẵng	14	9	64%	8	57%
Tỉnh Đồng Nai	3	2	67%	1	33%
Tỉnh Quảng Ngãi	16	12	75%	9	56%
Tỉnh Lâm Đồng	9	7	78%	4	44%
Thành phố Hà Nội	14	11	79%	11	79%
Tỉnh Quảng Trị	7	6	86%	5	71%
Tỉnh Khánh Hòa	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Đồng Tháp	3	3	100%	3	100%
Tỉnh Vĩnh Long	2	2	100%	2	100%
Thành phố Hải Phòng	1	1	100%	1	100%
Thành phố Hồ Chí Minh	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Lạng Sơn	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Nghệ An	9	9	100%	9	100%
Tỉnh Sơn La	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Thái Nguyên	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Tuyên Quang	4	4	100%	4	100%
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh An Giang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cà Mau	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.12. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT khu công nghiệp

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Bắc Ninh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Hà Tĩnh	5	0	0%	0	0%
Tỉnh Hưng Yên	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Khánh Hòa	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Ninh Bình	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Thanh Hóa	2	0	0%	0	0%
Thành phố Hồ Chí Minh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Lâm Đồng	3	1	33%	0	0%
Thành phố Cần Thơ	4	2	50%	2	50%
Tỉnh Quảng Trị	2	2	100%	0	0%
Tỉnh Gia Lai	1	1	100%	1	100%
Tỉnh An Giang	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Cà Mau	2	2	100%	2	100%
Thành phố Đà Nẵng	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đắk Lắk	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Đồng Tháp	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lào Cai	3	3	100%	2	67%
Tỉnh Nghệ An	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Phú Thọ	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Quảng Ngãi	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Sơn La	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Thái Nguyên	1	1	100%	0	0%
Thành phố Huế	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Tuyên Quang	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Vĩnh Long	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lạng Sơn	1	1	100%	1	100%
Thành phố Hà Nội	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.13. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT khu kinh tế

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Hà Tĩnh	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Khánh Hòa	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Tây Ninh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Thanh Hóa	2	0	0%	0	0%
Tỉnh An Giang	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Cà Mau	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Trị	3	3	100%	0	0%
Tỉnh Gia Lai	2	2	100%	2	100%
Thành phố Đà Nẵng	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Cao Bằng	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đồng Nai	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đồng Tháp	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lai Châu	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lạng Sơn	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lào Cai	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Nghệ An	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Ngãi	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Quảng Ninh	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Thái Nguyên	1	1	100%	1	100%
Thành phố Huế	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Tuyên Quang	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Vĩnh Long	1	1	100%	1	100%
Thành phố Hà Nội	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đắk Lắk	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hưng Yên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lâm Đồng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Ninh Bình	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.14. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT khu công nghệ cao

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Đà Nẵng	1	0	0%	0	0%
Thành phố Hà Nội	2	2	100%	2	100%
Thành phố Hồ Chí Minh	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Cà Mau	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đắk Lắk	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đồng Nai	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lâm Đồng	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Quảng Ninh	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Gia Lai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Khánh Hòa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh An Giang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Tháp	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hà Tĩnh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hưng Yên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Nghệ An	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Ninh Bình	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Trị	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thái Nguyên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thanh Hóa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Huế	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Vĩnh Long	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.15. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT Khu CNTT tập trung

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Đà Nẵng	1	0	0%	0	0%
Thành phố Hà Nội	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Gia Lai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Khánh Hòa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh An Giang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cà Mau	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đắk Lắk	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Tháp	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hà Tĩnh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hưng Yên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lâm Đồng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Nghệ An	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Ninh Bình	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

K

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Trị	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thái Nguyên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thanh Hóa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Huế	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Vĩnh Long	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.16. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT đề điều

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Hồ Chí Minh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Đắk Lắk	7	1	14%	1	14%
Thành phố Cần Thơ	5	1	20%	1	20%
Tỉnh Tây Ninh	9	2	22%	2	22%
Tỉnh Bắc Ninh	4	1	25%	0	0%
Thành phố Đà Nẵng	4	1	25%	1	25%
Tỉnh Hà Tĩnh	14	4	29%	3	21%
Tỉnh Thanh Hóa	17	6	35%	6	35%
Tỉnh Gia Lai	7	3	43%	2	29%
Tỉnh Ninh Bình	9	4	44%	1	11%
Tỉnh Khánh Hòa	2	1	50%	1	50%
Tỉnh Lâm Đồng	2	1	50%	1	50%
Thành phố Huế	7	4	57%	1	14%
Tỉnh Hưng Yên	3	2	67%	1	33%
Thành phố Hà Nội	7	5	71%	3	43%
Tỉnh Phú Thọ	24	18	75%	14	58%
Tỉnh Đồng Tháp	10	8	80%	8	80%
Tỉnh Quảng Ngãi	8	7	88%	6	75%
Tỉnh Quảng Trị	21	19	90%	19	90%
Tỉnh An Giang	11	10	91%	10	91%
Tỉnh Thái Nguyên	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Ninh	28	28	100%	28	100%
Thành phố Hải Phòng	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Cà Mau	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Nghệ An	6	6	100%	6	100%
Tỉnh Tuyên Quang	4	4	100%	4	100%
Tỉnh Vĩnh Long	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Đồng Nai	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.17. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT cá nhân

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Tỉnh Cà Mau	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Hà Tĩnh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Hưng Yên	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Lâm Đồng	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Thanh Hóa	3	1	33%	1	33%
Thành phố Hồ Chí Minh	2	1	50%	0	0%
Thành phố Đà Nẵng	2	1	50%	0	0%
Tỉnh Khánh Hòa	3	2	67%	0	0%
Tỉnh Quảng Trị	11	9	82%	9	82%
Tỉnh Đắk Lắk	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Vĩnh Long	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Gia Lai	2	2	100%	2	100%
Thành phố Hải Phòng	3	3	100%	3	100%
Tỉnh An Giang	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Đồng Tháp	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Nghệ An	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Ninh Bình	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Quảng Ngãi	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Ninh	6	6	100%	6	100%
Thành phố Huế	1	1	100%	1	100%
Thành phố Hà Nội	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lạng Sơn	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thái Nguyên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.18. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản KCHT thiết chế VH,TT

Tên đơn vị	Số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
			Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)*100%	(6)	(7)=(6)/(3)*100%
Khối trung ương						
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		0	0	0%	0	0%
Khối địa phương	3321	2629				
Tỉnh Hà Tĩnh	69	69	11	16%	6	9%
Tỉnh Ninh Bình	129	82	20	24%	14	17%
Tỉnh Thanh Hóa	166	166	42	25%	28	17%
Thành phố Cần Thơ	103	58	17	29%	14	24%
Tỉnh Khánh Hòa	65	35	12	34%	9	26%
Tỉnh Tây Ninh	96	56	21	38%	10	18%
Tỉnh Bắc Ninh	99	78	31	40%	21	27%
Tỉnh Đắk Lắk	102	89	37	42%	20	22%
Thành phố Hồ Chí Minh	168	46	21	46%	18	39%
Tỉnh Sơn La	75	45	23	51%	18	40%
Thành phố Đà Nẵng	94	83	43	52%	26	31%
Tỉnh Thái Nguyên	92	90	47	52%	40	44%
Tỉnh Hưng Yên	104	86	47	55%	40	47%
Tỉnh Lâm Đồng	124	93	52	56%	41	44%
Thành phố Huế	40	39	22	56%	10	26%
Tỉnh Gia Lai	135	103	65	63%	48	47%
Tỉnh Cà Mau	64	32	21	66%	21	66%
Thành phố Hà Nội	126	135	90	67%	83	61%
Tỉnh Quảng Ngãi	96	97	68	70%	58	60%
Tỉnh Lạng Sơn	65	67	49	73%	43	64%
Tỉnh Phú Thọ	148	159	122	77%	92	58%
Tỉnh Cao Bằng	56	54	45	83%	41	76%
Tỉnh An Giang	102	47	40	85%	39	83%
Tỉnh Lào Cai	99	68	60	88%	33	49%
Tỉnh Đồng Tháp	102	62	55	89%	54	87%
Tỉnh Điện Biên	45	49	44	90%	43	88%
Tỉnh Vĩnh Long	124	74	67	91%	54	73%
Tỉnh Quảng Trị	78	45	41	91%	39	87%
Tỉnh Đồng Nai	95	72	67	93%	65	90%
Thành phố Hải Phòng	114	110	103	94%	103	94%
Tỉnh Nghệ An	130	126	118	94%	114	90%
Tỉnh Lai Châu	38	39	38	97%	38	97%
Tỉnh Quảng Ninh	54	61	60	98%	60	98%
Tỉnh Tuyên Quang	124	114	114	100%	114	100%

K

BỘ TÀI CHÍNH

2.19. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản Hạ tầng ngầm đô thị

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Hà Nội	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Hà Tĩnh	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Khánh Hòa	2	0	0%	0	0%
Tỉnh Lạng Sơn	1	0	0%	0	0%
Thành phố Đà Nẵng	1	1	100%	0	0%
Tỉnh Gia Lai	1	1	100%	1	100%
Thành phố Hồ Chí Minh	5	5	100%	4	80%
Tỉnh Đồng Tháp	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Quảng Trị	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Lào Cai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Hải Phòng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Cần Thơ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh An Giang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Bắc Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cà Mau	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Cao Bằng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đắk Lắk	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Điện Biên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Hưng Yên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lai Châu	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Lâm Đồng	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Nghệ An	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Ninh Bình	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Phú Thọ	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Quảng Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Tỉnh Sơn La	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tây Ninh	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thái Nguyên	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Thanh Hóa	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Thành phố Huế	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê
Tỉnh Vĩnh Long	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê

BỘ TÀI CHÍNH

2.20. Tình hình gửi và duyệt báo cáo tài sản tạm giao xử lý

Tên đơn vị	Tổng số đơn vị đăng ký đối tượng kiểm kê	Tình hình gửi báo cáo		Tình hình duyệt báo cáo	
		Số đơn vị gửi báo cáo	Tỷ lệ gửi báo cáo	Số đơn vị đã được duyệt báo cáo	Tỷ lệ duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)*100%	(5)	(6)=(5)/(2)*100%
Khối địa phương					
Thành phố Hải Phòng	1	0	0%	0	0%
Tỉnh Thanh Hóa	112	5	4%	2	2%
Tỉnh Hà Tĩnh	90	9	10%	1	1%
Tỉnh Đắk Lắk	88	9	10%	4	5%
Tỉnh Sơn La	17	2	12%	1	6%
Tỉnh Bắc Ninh	64	8	13%	2	3%
Tỉnh Khánh Hòa	53	7	13%	2	4%
Tỉnh Tây Ninh	31	5	16%	2	6%
Thành phố Cần Thơ	39	7	18%	4	10%
Tỉnh Lâm Đồng	49	10	20%	5	10%
Tỉnh Lạng Sơn	12	3	25%	1	8%
Thành phố Hà Nội	7	2	29%	1	14%
Tỉnh Ninh Bình	40	12	30%	5	13%
Tỉnh Lào Cai	32	10	31%	4	13%
Tỉnh Quảng Ngãi	64	22	34%	14	22%
Tỉnh Thái Nguyên	59	25	42%	20	34%
Thành phố Hồ Chí Minh	14	6	43%	4	29%
Tỉnh Gia Lai	97	42	43%	34	35%
Thành phố Đà Nẵng	27	13	48%	8	30%
Tỉnh Vĩnh Long	6	3	50%	1	17%
Tỉnh Đồng Tháp	39	20	51%	14	36%
Tỉnh Cà Mau	29	16	55%	16	55%
Tỉnh Hưng Yên	24	15	63%	10	42%
Tỉnh Phú Thọ	113	77	68%	59	52%
Thành phố Huế	16	11	69%	8	50%
Tỉnh An Giang	25	18	72%	16	64%
Tỉnh Quảng Trị	24	18	75%	13	54%
Tỉnh Nghệ An	55	53	96%	51	93%
Tỉnh Cao Bằng	1	1	100%	1	100%
Tỉnh Điện Biên	3	3	100%	3	100%
Tỉnh Lai Châu	2	2	100%	2	100%
Tỉnh Quảng Ninh	19	19	100%	19	100%
Tỉnh Tuyên Quang	14	14	100%	14	100%
Tỉnh Đồng Nai	0	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê	0	Không có đơn vị đăng ký kiểm kê